VÂN MỘNG TẦN GIẢN PHÁP LUẬT TRIỀU TẦN TRUNG QUỐC: MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐẶC SẮC TRONG LĨNH VỰC HÔN NHÂN - GIA ĐÌNH

TRẦN THỊ HOA
Khoa Hành chính – nhà nước
Đại học Luật Hà Nội

Hôn nhân – gia đình luôn là một trong những vấn đề quan trọng bậc nhất của pháp luật truyền thống Trung Quốc. Khái niệm pháp luật truyền thống của Trung Quốc chủ yếu được hiểu là pháp luật từ thời kì nhà Hạ đến trước khi diễn ra cuộc cải cách biến pháp Mậu Tuất dưới triều Thanh. Sở dĩ pháp luật hôn nhân – gia đình có vị trí quan trọng trong pháp luật truyền thống Trung Quốc là do gia đình trong quan niệm của người Trung Quốc chính là hạt nhân của xã hội, là tế bào của xã hội. Đó là lí do vì sao mà từ thời Tây Chu đã hình thành chế độ Tông pháp để duy trì trật tự trong gia đình; đó cũng là lí do vì sao mà người quân tử trong quan niệm của Nho giáo phải tề gia trước rồi mới trị quốc và bình thiên hạ…Vị trí và vai trò của pháp luật hôn nhân – gia đình trong pháp luật truyền thống Trung Quốc đã thể hiện rất rõ trong các qui định của pháp luật qua các triều đại. Nhìn chung trong các bộ luật, những qui định liên quan đến hôn nhân – gia đình thường có số lượng tương đối lớn. Và các chế tài mà cổ luật Trung Hoa sử dụng khi có những vi phạm trong lĩnh vực hôn nhân gia đình thường rất nghiêm khắc, và thường là các chế tài mang tính hình sự.

Tìm hiểu pháp luật hôn nhân – gia đình truyền thống của Trung Quốc qua các triều đại, ta nhận thấy, phần lớn pháp luật các triều đại luôn có xu hướng bảo vệ quyền của người chồng và người cha, đề cao vai trò của người đàn ông và hạ thấp vai trò của người phụ nữ. Những qui định pháp luật trọng lĩnh vực hôn nhân – gia đình của pháp luật truyền thống Trung Quốc chính là thể chế hóa lễ nghi Nho giáo, và cũng là công cụ bảo vệ trật tự gia đình gia trưởng. Đó cũng là đặc điểm chung của pháp luật hôn nhân – gia đình Trung Quốc và nhiều nước Á Đông có nền pháp chế chịu ảnh hưởng của nền pháp chế mang tính chất "khuôn vàng thước ngọc" Trung

Hoa, điển hình như Việt Nam, Hàn Quốc, Triều Tiên…Nhưng có một điều đặc biệt là trong pháp luật triều Tần – triều đại đầu tiên thống nhất Trung Quốc và mở đầu thời kì phong kiến Trung Quốc lại có những qui định vô cùng đặc sắc trong lĩnh vực hôn nhân – gia đình, đặc biệt là địa vị pháp lí của người phụ nữ.

1. "Vân Mộng Tần giản" và sự phát hiện "Tần luật"

"Tần luật" nhìn chung đã bị thất lạc từ lâu, và phần lớn chúng ta chỉ biết được phần nào nội dung của nó qua các ghi chép của các nhà tư tưởng, các nhà luật học đời sau. Nhưng thật may mắn, trong cuộc khai quật khảo cổ học vào tháng 12 năm 1975, các nhà khảo cổ học đã khai quật được một số lượng lớn những thẻ trúc ghi lại nội dung của Tần luật ở ngôi mộ số 11 đất Thụy Hổ huyện Vân Mộng tỉnh Hồ Bắc. Thông qua tập hợp, chỉnh lí số thẻ trúc này tổng cộng có 1155 chiếc (ngoài ra còn 80 miếng bị hỏng không thể gắn lại), nội dung hết sức phong phú. Số thẻ trúc này được gọi là "Thụy Hổ địa Tần mộ trúc giản" (睡虎地秦幕竹简-Thẻ trúc ở mộ đời Tần đất Thụy Hổ) và thường gọi tắt là "Vân Mộng Tần giản". Nội dung Tần luật được ghi trong Vân Mộng Tần giản chỉ là một phần của Tần luật, nó chủ yếu bao gồm nội dung pháp luật của nước Tần vào những năm đầu triều Tần sau khi Thương Ưởng (390 – 338 TCN) chế định Tần luật cho đến đầu thời kì Tần Thủy Hoàng mới thống nhất Trung Quốc. Các nhà nghiên cứu pháp luật Trung Quốc xem đây là cơ sở và nguồn tài liệu vô cùng quí giá để nghiên cứu về pháp luật triều Tần.

"Tần luật" trong "Vân Mộng Tần giản" bao gồm một số loại chủ yếu sau:

- Loại thứ nhất thuộc về Tần luật bao gồm: "Tần luật thập bát chủng", "Hiệu luật", "Tần luật tạp sao". Trong đó có thể thấy khoảng 30 loại luật danh, nội dung rất phong phú đa dạng.

- Loại thứ hai là giải thích về các điều khoản, thuật ngữ hay ý đồ luật văn trong Tần luật, bao gồm "Pháp luật vấn đáp". Trong đó bao gồm cả một số phần nói rõ về các bước tố tụng

- Loại thứ 3 bao gồm những thể văn thư nói về yêu cầu cơ bản và qui tắc tư pháp để quan lại xem xét vụ án cũng như các trình tự tiến hành điều tra vụ án, kiểm nghiệm, tra hỏi…

- Loại thứ tư bao gồm một số nguyên tắc mà quan lại phải tuân thủ, bao gồm "Vi lại chi đạo".

Nghiên cứu Vân Mộng Tần giản, các nhà nghiên cứu lịch sử pháp luật Trung Quốc đã khảo sát được nhiều nội dung quan trọng của Tần luật, từ những qui định liên quan đến hình luật như nguyên tắc định tội lượng hình, hệ thống hình phạt, các tội danh chủ yếu, cho đến những qui định liên quan đến dân luật, tố tụng và hành chính…Đặc biệt, Tần luật trong Vân Mộng Tần giản có những qui định về hôn nhân gia đình hết sức đặc sắc. Trong đó có nhiều điều luật mang tính nhân văn, bảo vệ quyền lợi người phụ nữ và gia đình.

2. Vân Mộng Tần giản và pháp luật hôn nhân

2.1. Tần luật quy định, hai bên nam nữ kết hôn, tất phải chính thức đăng kí mới có thể được pháp luật bảo hộ; nếu không

pháp luật sẽ không bảo vệ quan hệ hôn nhân của họ.

Theo như ghi chép ở "Pháp luật vấn đáp" trong "Vân Mộng Tần giản", người vợ tự ý bỏ trốn, nếu như quan hệ hôn nhân đã được chính thức công nhận, thì người vợ này tất sẽ bị xử tử theo pháp luật, nếu như chưa được chính thức công nhận thì sẽ không bị luận tội. "Pháp luật vấn đáp" trong "Vân Mộng Tần giản" giải thích: Giáp lấy một người con gái chạy trốn làm vợ, sau này bị bắt hoặc tự thú, nhưng vẫn còn chưa thành niên, nên xử tội hay không? Đáp rằng: Nếu như lúc kết hôn, người con trai đã báo quan phủ, thì phải bị xử tội; nếu như lúc kết hôn, người con trai chưa trình báo quan phủ thì không bị xử tội(1).

Tần luật quy định, việc từ bỏ quan hệ hôn nhân cũng phải được chính thức công nhận mới có hiệu lực pháp luật; nếu không, sẽ tạo thành tội "Bỏ vợ không hợp pháp", cả 2 bên nam nữ sẽ đều bị xử tội. Theo ghi chép trong "Pháp luật vấn đáp", tự ý phá bỏ quan hệ hôn nhân không báo cáo lên quan phủ, tức là tội "bỏ vợ không hợp pháp", cả 2 bên nam nữ đều phải chịu nộp 2 bộ áo giáp.(2)

Những qui định trên cho thấy *nhà nước đã phát huy sự kiểm soát hành chính và tác dụng điều tiết đối với quan hệ hôn nhân*. Hôn nhân không chỉ là việc của gia đình theo lễ nghi truyền thống nữa mà nó còn phải chịu sự kiểm soát, cho phối của nhà nước.

2.2. Quan niệm đạo đức luân lí Nho gia và tư tưởng "Lễ trị" có ảnh hưởng không lớn đối với chế độ hôn nhân

* Về cơ bản, Tần luật vẫn tiếp tục bảo vệ đặc quyền gia trưởng của người đàn ông trong quan hệ hôn nhân. Trong quan hệ hôn nhân, người đàn ông vẫn có quyền lực rất lớn. Tần luật quy định có một số tội danh về việc bảo vệ *phu quyền phong kiến*.

Tội "Khứ phu vong" (去夫亡- Bỏ chồng trốn đi), sau khi hai bên nam nữ kết hôn, bên nữ không được tự ý rời bỏ chồng trốn đi; nếu tự ý trốn đi tức là phạm tội "Khứ phu vong", cần phải dựa vào pháp luật mà xử *thích chữ, đồng thời phạt lao dịch giã gạo*. Ngoài ra, cũng nhằm bảo vệ quan hệ hôn nhân và tránh sự phát sinh của hiện tượng "bỏ chồng trốn đi", Tần luật đã quy định rõ ràng về việc cấm cưới người vợ bỏ trốn, kẻ nào vi phạm quy định này tức là đã phạm vào tội "*Thú nhân vong thê*"*(*娶人亡妻 - Lấy vợ người khác đang bỏ trốn*)*, cần phải xử tội thích chữ theo luật pháp, đồng thời phạt khổ dịch bắt đi xây thành. "Pháp luật vấn đáp" trong "Vân Mộng Tần giản" giải thích: Vợ của Giáp tự ý bỏ trốn, người con trai là Ất cũng là người đang chạy trốn, 2 người lấy nhau thành vợ chồng; người vợ của Giáp lúc đầu không đem sự thật nói cho Ất rõ, sau khi sinh con 2 năm mới nói rõ sự tình, nhưng Ất cũng không bỏ người con đàn bà đó, sau này bị bắt, nên xét xử như thế nào? Trả lời rằng: Phải bắt đi xây thành(3). Đồng thời để bảo vệ phu quyền phong kiến và quyền lợi của người thừa kế, pháp luật triều Tần nghiêm cấm quả phụ ruồng rẫy con cái mà đi lấy chồng mới. Cho nên Tần luật đã đặt ra tội "*Khí tử nhi giá*" (Bỏ con mà đi lấy chồng khác), người nào vi phạm đều bị trừng phạt.

* Điều đặc sắc ở chỗ, bên cạnh việc bảo vệ nghiêm ngặt đặc quyền của người chồng trong quan hệ hôn nhân, thì phu quyền trong Tần luật cũng bị hạn chế bởi những chế định pháp luật. Trong quy định của pháp luật đời Tần, phu quyền phong kiến cũng không phải lúc nào cũng tuyệt đối và tối cao, cũng có lúc nó bị pháp luật hạn chế.

Tần luật quy định rõ ràng, người chồng không được tự ý đánh đập vợ mình, nếu tự ý đánh vợ là đã có hành vi phạm pháp; dù cho người vợ có chút ngang bướng, cũng không được tùy ý đánh đập, người làm trái sẽ bị xử tội. Theo như "Pháp luật vấn đáp" trong "Vân Mộng Tần giản" người vợ hung hãn, người chồng đánh đập khiến cho tai của vợ bị rách, hoặc khiến cho vợ gãy xương, thì chồng sẽ bị xử *nại*[4] hình.

Qui định này cho thấy, quyền lực của người chồng không phải là tuyệt đối và bản thân người phụ nữ cũng nhận được bảo vệ của pháp luật. Trong khi đó pháp luật các triều đại sau này đều đề cao tuyệt đối quyền của người chồng với người vợ. Luật Đường qui định, vợ đánh chồng đồ 1 năm, đánh bị thương nặng xử nặng hơn người thường 3 cấp. Ngược lại, chồng đánh vợ không bị thương coi như không có tội, nếu đánh vợ thương nặng thì xử nhẹ hơn người thường 2 cấp.

* Tần luật cho phép người vợ tố cáo hành vi phạm tội của chồng, như trong "Pháp luật vấn đáp", người chồng có tội, vợ chủ động đi cáo giác, thì có thể không bị bắt làm nô lệ của quan, người ở, quần áo cũng như đồ vật khác cũng không bị tịch thu. Nội dung của kiểu định tội xử hình này, so với các quy định pháp luật phong kiến thời Tây Chu và các đời sau có ý nghĩa tương đối tiến bộ, hợp lí. Lấy pháp luật thời Đường làm ví dụ, ngoài tội phạm nặng như mưu phản, cho phép vợ được tố cáo chồng ra, còn tất cả các loại tội phạm khác, nếu như vợ tố cáo chồng là phạm tội "Bất mục" tức là 1 trong 10 trọng tội ("Thập ác"), khi có thường lệ ân xá thì cũng không được hưởng. Cho dù là cáo giác lên hoàn toàn là sự thật, người vợ cũng bị phạt 2 năm đồ hình.

Tiếp đó, Trong quy định của Tần luật có tội danh"Phu vi ký hạ", không cho phép người chồng có quan hệ tính giao bất chính với người đàn bà nào khác. Năm 210 TCN, Tần Thủy Hoàng trong bài từ khắc ở Cối Kê có qui định nghiêm ngặt: "phu vi kí hạ, sát chi vô tội" (chồng ngủ với người đàn bà khác, vợ giết đi không bị tội)[5]. Trong khi đó, luật Hán và luật các triều đại phong kiến Trung Quốc sau đó qui định: Nếu người chồng có ngoại tình, thông gian với người đàn bà khác thì nặng nhất cũng chỉ bị chịu hình phạt làm phu kiếm củi, người vợ không được xúc phạm hoặc đánh giết người chồng. Nếu người vợ vì thế mà đánh hoặc giết chết chồng vẫn bị khép vào tội "Bất mục" trong "Thập ác".

Qua đó có thể thấy, trong thời đại xã hội phong kiến nam tôn nữ ti, phu quyền chí thượng, điều này thực sự có ý nghĩa hạn chế và trừng phạt những hành vi ác tính của phu quyền phong kiến, yêu cầu hai bên phải trung thành và duy trì mối quan hệ gia đình vợ chồng.

3. Vân Mộng Tần giản và những qui phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa ông bà, cha mẹ với con cháu trong gia đình

* Để củng cố chế độ đặc quyền đẳng cấp phong kiến và trật tự thống trị chuyên chế

quân chủ, Tần luật kiên trì bảo vệ phụ quyền phong kiến, bảo vệ đạo hiếu, nghiêm trị hành vi "bất hiếu" của con cháu. Tần luật qui định, người cha là bậc tôn trưởng trong đại gia đình phong kiến, có quyền được tố cáo lên quan phủ tội "bất hiếu" của con cháu, và có thể thỉnh cầu quan phủ xử tội lưu hình thậm chí là tử hình đối với con cháu. Đối với những việc tố cáo hay thỉnh cầu này, quan phủ không được phép cự tuyệt. Trong "Phong chẩn thức" của "Vân Mộng Tần giản", có rất nhiều án lệ loại này.

Điều luật "Cáo tử"（告子条文）qui định về việc tố cáo con cái có ghi: Giáp là thường dân tố cáo con đẻ là Bính tội bất hiếu, xin quan xử Bính tử hình, quan phủ phải lập tức sai người đi bắt về. Thông qua huyện thừa xét hỏi, Bính thừa nhận là con của Giáp, quả thật có bất hiếu với Giáp mà không phạm tội nào khác.

Điều luật "Thiên tử" (迁子条文) qui định về việc từ bỏ con, có ghi chép: Một người là Giáp tố cáo, xin quan phủ bắt, cùm con mình là Bính, lưu phóng (đầy ải) đến huyện viễn biên của đất Thục[6], đến hết đời không được tự ý rời đi. Quan bản địa phải lập tức bắt Bính đeo hình cụ (xiềng), cho người áp giải đến Thành Đô, giao cho nơi phụ trách những người bị lưu phóng của bản địa[7]. Việc người gia trưởng được pháp luật cho hưởng quyền yêu cầu trừng phạt con cháu, chính là biểu hiện quan trọng của việc Tần luật bảo vệ phụ quyền phong kiến.

Như vậy, nhìn chung Tần luật cũng có đặc trưng chung của pháp luật truyền thống Trung Quốc là luôn bảo vệ đặc quyền của người đàn ông. Đó là biểu hiện của pháp luật gia trưởng chịu ảnh hưởng sâu sắc của điều kiện xã hội và tư tưởng.

* Tuy nhiên, điểm đặc sắc trong Tần luật so với pháp luật của các triều đại trước đó và sau này ở Trung Quốc là ở chỗ: mặc dù Tần luật bảo vệ phụ quyền phong kiến trong gia đình, nhưng sự bảo vệ đó cũng lại chỉ là tương đối, quyền của người gia trưởng trong gia đình vẫn bị những hạn chế nhất định.

Thứ nhất, Tần luật qui định, nếu như không có đủ lí do, cũng chưa được phép của quan phủ, cha mẹ cũng như các bậc tôn trưởng không được tùy ý sát hại hay đánh đập con cháu, nếu không sẽ phạm phải tội "*Tùy tiện giết con*", tất bị trừng trị theo pháp luật. "Pháp luật vấn đáp" ghi rõ: "Tùy tiện giết con cái, tất bị thích chữ rồi bắt đi xây thành hay giã gạo". Cho dù là giết hại nô tì trong gia đình hoặc làm bị thương con cháu, cũng đều phải xử hình theo qui định của pháp luật. Nếu như tùy tiện giết chết con nuôi thì sẽ bị xử cực hình bêu chợ. Như vậy, Tần luật mặc dù bảo vệ phụ quyền trong quan hệ gia đình, song cũng qui định chặt chẽ phụ quyền của người tôn trưởng phải trong khuôn khổ của pháp luật. Nếu không báo quan phủ và được quan phủ cho phép thì ông bà, cha mẹ không được tự tiện đánh con cháu. Điều này khác với qui định của Chu lễ và pháp luật phong kiến các triều đại về sau. Theo quan điểm lễ nghi Nho giáo, ông bà, cha mẹ có quyền dạy bảo con cháu. Cho nên, trong pháp luật cũng qui định: Bậc tôn trưởng có quyền giáo giới, răn dạy con cháu. Quyền giáo giới tức là quyền dạy bảo và trừng phạt con cháu. Con cháu làm trái

giáo lệnh phạt *đồ*[8] 2 năm, ông bà nội, cha mẹ vì thế mà giết con cháu thì cũng chỉ phạt đồ hình. Nhìn chung bậc tôn trưởng trong gia đình mà đánh con cháu thì không cấu thành tội phạm, chỉ khi làm bị thương nặng (gẫy tay chân, chảy máu) mới luận tội, nhưng cũng xử nhẹ hơn so với người thường. Qua đây cho thấy, mặc dù Tần luật cũng bảo vệ phụ quyền phong kiến song so với qui định của các triều đại phong kiến Trung Quốc thì phụ quyền trong Tần luật chịu sự ràng buộc của pháp luật và bị hạn chế hơn nhiều.

Tiếp đó, với những hành vi con cháu đánh lại bậc trên, thì Tần luật lại xử nhẹ hơn so với pháp luật phong kiến đời sau. Như trong "Pháp luật vấn đáp" có qui định: Nếu như đánh đập cha mẹ hay ông bà, tất phải xử thích chữ mà bắt đi xây thành giã gạo. Trong quan niệm lễ nghi và đạo hiếu của người Trung Quốc từ thời cổ đại thì việc con cái đánh ông bà cha mẹ là điều vô cùng nghiêm trọng, nó trái với lễ nghi và luân thường đạo lí. Đặc biệt là đối với đạo làm người, nó đã vi phạm nghiêm trọng đến đạo "hiếu" và luân lí gia đình Trung Quốc. Do đó, sau này trong các qui định pháp luật của các triều đại phong kiến Trung Quốc đều trừng phạt rất nghiêm các hành vi con cháu đánh giết, làm tổn thương ông bà cha mẹ. Ví dụ trong luật Đường, Minh, Thanh…thì hành vi này của con cháu đã phạm vào trọng tội "ác nghịch" là một trong những tội thuộc "Thập ác", nhất quyết phải chém, không thể xá miễn. "Đường luật sớ nghị" qui định về việc phạm tội giữa những người thân tộc với nhau thì áp dụng nguyên tắc hình pháp "dựa vào ngũ phục mà chế tội", thực hiện đồng tội dị phạt. Theo đó, hành vi kẻ dưới phạm đến tôn trưởng, đầu tiên về tính chất phạm tội dựa vào huyết thống thân sơ và tình tiết nặng nhẹ, phân biệt xử theo các tội danh ác nghịch, bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, nội loạn trong "thập ác" tội, so với người khác cùng tội, tội vẫn nặng hơn. Luật Đường qui định, nếu người thường chửi mắng nhau thì không cấu thành tội phạm, song nếu con cháu chửi mắng ông bà nội, cha mẹ thì liệt vào tội bất hiếu mà xử giảo hình, nếu con cháu đánh ông bà, cha mẹ thì tội trảm. Luật Thanh qui định: ông bà nội, bố mẹ cố ý giết chết con cháu, chỉ phạt 70 trượng đồ 1 năm rưỡi. Trái lại, nếu như con cháu giết ông bà nội, cha mẹ, nô tì giết chủ nhân, đều xử lăng trì. Tôn trưởng, chồng mà vô ý làm chết con cháu, nô tì, thê thiếp không bị luận tội. Trái lại, con cháu, thê thiếp, nô tì vô ý làm chết tôn trưởng, chồng đều xử giảo lập quyết[9] (lập tức treo cổ chết), từ đó phản ảnh sự ảnh hưởng của quan niệm sùng bái luân thường phong kiến đối với hình pháp.

4. Nguyên nhân tạo nên yếu tố tiến bộ trong pháp luật Tần

Qua một số qui định trên đây, có thể thấy Tần luật mặc dù vẫn thể hiện tính chất của pháp luật truyền thống Trung Quốc là bảo vệ đặc quyền của người chồng, người cha trong gia đình, song đặc quyền đó cũng đã bị hạn chế. Và quan trọng hơn, trong một xã hội trọng lễ nghi, trọng luân thường như Trung Quốc thì những qui định này thực sự có ý nghĩa tiến bộ mà pháp luật các triều đại phong kiến giai đoạn sau không có được.

Vấn đề đặt ra là tại sao trong nền pháp luật truyền thống hàng nghìn năm của Trung Quốc, trên phương diện hôn nhân – gia đình đều thể hiện sự thể chế hóa lễ nghi Nho giáo mà Tần luật lại có những qui định đặc sắc như vậy? Ở đây chúng ta hoàn toàn có thể lí giải dựa trên những cơ sở kinh tế, xã hội và tư tưởng thời kì đó.

Như ta biết, bất kì một nền pháp chế nào cũng phải xây dựng dựa trên một cơ sở tư tưởng nhất định. Trong lịch sử tư tưởng chính trị pháp lí Trung Hoa cổ truyền, ngay từ buổi đầu, pháp luật đã lấy tư tưởng thần quyền, tư tưởng thiên mệnh làm cơ sở. Dần dần, cùng với sự phát triển của xã hội đã nảy sinh những tư tưởng triết lí phù hợp với tính chất và đặc điểm lịch sử. Và giai cấp thống trị cũng tiếp thu, vận dụng những triết thuyết phù hợp làm cơ sở, bệ đỡ tư tưởng cho việc thiết lập một chế độ chính trị, một nền pháp chế đáp ứng nhu cầu cai trị của mình. Trong số rất nhiều tư tưởng nảy nở và phát triển ở Trung Quốc có 2 học thuyết đã được giai cấp thống trị lựa chọn, vận dụng trở thành cơ sở tư tưởng chính trị pháp lí của nhà nước phong kiến Trung Quốc suốt hàng nghìn năm. Đó là học thuyết Nho giáo và Pháp trị. Thời kì Chiến Quốc cho đến đầu thời kì phong kiến (sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc đến đầu thời Hán) chính là thời kì diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa 2 học thuyết chính trị này.

Thời kì Xuân Thu –Chiến Quốc là thời đại đầy biến loạn của xã hội Trung Quốc, quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ tan rã, quan hệ sản xuất phong kiến bước đầu được xác lập. Sự khủng hoảng của quan hệ chiếm hữu nô lệ của nhà Chu xuất phát từ sự phát triển của lực lượng sản xuất. Sự phát triển đó thể hiện ở việc sử dụng phổ biến công cụ bằng sắt. Đồng thời là việc sử dụng sức kéo của trâu bò, ngựa trong canh tác và sự xuất hiện những kĩ thuật canh tác như tưới nước bằng sức người, bón phân, làm tơi đất và các phương pháp quản lí ruộng đồng. Năng suất lao động không ngừng được tăng cao, đặc biệt là những tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp, một ngành kinh tế quan trọng nhất của toàn xã hội. Bên cạnh đó, thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng rất phát đạt. Đã hình thành một hệ thống các thành thị và một tầng lớp thương nhân giàu có. Sự phát triển của sức sản xuất đã có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ, khiến cho sức sản xuất xã hội phát triển nhanh chóng.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã kéo theo những biến đổi trong quan hệ sản xuất. Trước hết xã hội ngày càng có nhiều sản phẩm lao động, do đó thúc đẩy nhanh sự phân công lao động xã hội, xúc tiến sự thay đổi trong cơ cấu xã hội. Mặt khác, nó tạo điều kiện cho việc khai khẩn số lượng lớn "tư điền", làm cho chế độ sở hữu ruộng đất của thiên tử nhà Chu bị phá hoại nghiêm trọng và cuối cùng dẫn đến sự tan rã hoàn toàn của cơ sở kinh tế là chế độ "Tỉnh điền". Sau cùng nó tạo ra một hình thức tiểu sản xuất, kinh doanh cá thể phân tán với đơn vị là một gia đình, một hộ, tức là giai tầng tiểu nông. Sự xuất hiện của nền kinh tế tiểu nông dần dần thay thế cho hình thức lao động hiệp tác giản đơn của tập thể số đông nô lệ, tạo nên một cơ sở xã hội kiểu mới, một kiểu quan hệ bóc lột mới mà đối tượng là nền kinh tế

tiểu nông cá thể. Những biến đổi trong quan hệ sản xuất tất nhiên dẫn tới những biến động trong quan hệ giai cấp và quan hệ chính trị. Đây là thời kì các nước chư hầu tranh bá và kiêm tính lẫn nhau. Trong quá trình đó, một bộ phận quí tộc chủ nô suy tàn, một bộ phận bình dân phát triển lên, trở thành giai cấp địa chủ mới. Sự biến đổi của chế độ ruộng đất và quan hệ bóc lột đánh dấu quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ đã khủng hoảng nghiêm trọng và đang đi đến tan rã hoàn toàn.

Những biến đổi đó khiến cho thời kì Xuân Thu – Chiến Quốc ở Trung Quốc trở thành thời đại đấu tranh kịch liệt giữa những lực lượng mới mà đại biểu là giai cấp địa chủ mới nổi với giai cấp quí tộc chủ nô cũ để giành quyền thống trị. Trong cuộc đấu tranh đó, giai cấp địa chủ mới nổi ở các nước chư hầu liên tiếp tiến hành cải cách biến pháp. Phong trào cải cách chính trị trên lĩnh vực kiến trúc thượng tầng dẫn đến sự biến cách toàn diện của chế độ pháp luật.

Cải cách biến pháp của nước Tần đã đánh dấu sự thắng lợi của các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội của Thương Ưởng và sự thắng lợi của tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi, Lý Tư. Nó đã đem lại tác động to lớn đối với việc giải phóng sức sản xuất. Những điều này đã được thể hiện trên rất nhiều chính sách kinh tế, chính trị, xã hội mà nước Tần thi hành, và nó đã được củng cố, thể chế hóa trong các qui định của pháp luật. Việc đấu tranh giành và bảo vệ cơ sở kinh tế của giai cấp địa chủ mới đã được thể hiện phần nào trong các qui định pháp luật hôn nhân – gia đình. Ta thấy rõ việc Tần luật tăng cường sự quản lí của nhà nước đối với chế độ hôn nhân bằng cách qui định việc đăng kí với nhà nước khi kết hôn và li hôn, cấm và trừng phạt nghiêm khắc những hành vi phá hoại hạnh phúc gia đình như tội "vợ bỏ chồng chốn đi" hay "lấy vợ người khác đang bỏ chốn", "bỏ vợ bất hợp pháp"... chính là thể hiện rõ mục đích bảo vệ trật tự gia đình, bảo vệ sự ổn định của cơ sở xã hội. Và bản chất chính là bảo vệ kinh tế tiểu nông, cơ sở nền tảng của nền kinh tế phong kiến.

Thứ hai, trong các qui định pháp luật, Tần luật cũng không cho phép gia chủ tự tiện đánh đập, giết chết gia nô, nô lệ trong gia đình. Điều này hoàn toàn khác so với những qui định của nhà Tây Chu, cho phép người chủ nô có toàn quyền đối với nô lệ, thậm chí giết chết. Qui định này của Tần luật xuất phát từ nhu cầu giải phóng sức lao động của thời kì đó. Giai cấp địa chủ mới nổi trong cuộc đấu tranh giành quyền thống trị đã từng bước tiến hành cải cách kinh tế, chính trị, xã hội. Một trong những nội dung quan trọng là giải phóng sức lao động của người nô lệ - lực lượng lao động chủ yếu của xã hội khỏi sự trói buộc của chủ nô cũ. Đó là lí do vì sao mà trong biến pháp của Thương Ưởng và các nước chư hầu khác lại chủ trương xóa bỏ chế độ "thế khanh thế lộc", ban thưởng "chức tước và điền lộc" cho những người có công, bất kể là quí tộc hay nô lệ. Tất cả đều hướng tới giải phóng sức lao động, thúc đẩy quan hệ sản xuất phong kiến sớm được xác lập.

Trong quá trình đấu tranh giai cấp, giai cấp nào nắm trong tay tư liệu sản xuất thì giai cấp đó sẽ giành quyền thống trị. Vì

thế, trong thời kì Chiến Quốc, là thời kì giai cấp địa chủ mới nổi tiến hành đấu tranh giành lấy tư liệu sản xuất chính là ruộng đất. Những qui định pháp luật về bảo vệ nền kinh tế tiểu nông, giải phóng sức lao động của nô lệ, cũng đều hướng tới mục đích làm tan rã cơ sở kinh tế của nhà nước chiếm hữu nô lệ là chế độ "Tỉnh điền", thúc đẩy nhanh hơn quá trình "tư hữu" ruộng đất. Qua đó, giai cấp địa chủ mới nổi đã giành được quyền chiếm hữu, sở hữu một số lượng lớn ruộng đất, cũng chính là đã nắm được trong tay tư liệu sản xuất chính, cơ sở quan trọng để họ chiến thắng trong cuộc đấu tranh giành quyền thống trị.

Trên phương diện tư tưởng, thời kì Xuân Thu – Chiến Quốc là thời kì nở rộ của các học thuyết, trường phái tư tưởng ở Trung Quốc. Chính vì vậy mà thời kì này được gọi là thời đại "Bách gia tranh minh", trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng. Cùng với cuộc đấu tranh trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, trên phương diện tư tưởng cũng diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt, mà điển hình nhất là cuộc đấu tranh của các nhà tư tưởng "Nho gia" với chủ trương "đức trị, nhân trị, lễ trị" với các nhà tư tưởng của phái "Pháp gia" với chủ trương "Pháp trị". Cuộc đấu tranh đó đã được phản ảnh một cách sâu sắc trong các phong trào cải cách của các nước chư hầu mà cuộc cải cách của nước Tần là một trong những cuộc cải cách điển hình nhất và thành công, tạo nên sức mạnh để Tần có thể đánh bại các nước chư hầu khác và thống nhất Trung Quốc.

Nền pháp luật triều Tần từ cải cách của Thương Ưởng(10) (hai lần biến pháp) cho đến khi triều Tần diệt vong đều thống nhất ở chỗ lấy tư tưởng "Pháp trị" của phái "Pháp gia" làm cơ sở. Và nội dung Tần luật cũng đã thể hiện rõ tư tưởng này.

Từ cuối thời Xuân Thu, những đại biểu sớm nhất của giai cấp địa chủ mới nổi đã nêu cao tư tưởng pháp trị, "giải quyết mọi việc phải căn cứ vào pháp luật" để chống lại truyền thống "Lễ trị", "Đức trị" và "Nhân trị" của thời đại nô lệ và của phái Nho gia. Đặng Tích người nước Trịnh là người đầu tiên đề xướng nguyên tắc "Giải quyết mọi việc phải căn cứ ở pháp luật" (事断于法– Sự đoán ư pháp), nhấn mạnh yêu cầu đối với mọi hành vi phạm phải dựa vào pháp luật để xét xử.

Sang thời kì Chiến Quốc, Thương Ưởng nước Tần lại đề ra chủ trương "Duyên pháp nhi trị" "Dựa theo pháp luật mà cai trị" (缘 法 而治- Duyên pháp nhi trị" và "phải đốt hết mọi trước thuật, mọi học thuyết đề cao "Lễ trị", chỉ dựa vào pháp lệnh làm căn cứ để trị nước" (燔诗书 而 明 法令- Phần thị thư nhi minh pháp lệnh). Nhà tư tưởng xuất sắc của phái Pháp gia thời tiên Tần là Hàn Phi, càng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lập pháp và tư tưởng "Pháp trị", ông chỉ ra một cách đúng đắn tư tưởng "dĩ pháp vi bản" - lấy pháp luật làm gốc. Điều này lí giải vì sao trong khi điều chỉnh các quan hệ hôn nhân – gia đình, Tần luật cũng thể hiện rõ quan điểm "Sự đoán ư pháp". Từ việc kết hôn, li hôn, nếu không báo quan phủ và được quan phủ cho phép (thể hiện sự quản lí của nhà nước và sự ràng buộc của pháp luật) thì quan hệ hôn nhân đó không được bảo vệ và thừa nhận. Hoặc, cho dù Tần luật bảo vệ phụ quyền trong gia đình, cho phép ông

bà, cha mẹ đánh, thậm chí cáo giác con cái lên quan phủ và xin quan phủ giết con…nhưng Tần luật cũng ràng buộc quyền đó trong khuôn khổ của pháp luật, tức là phải báo quan và được quan phủ cho phép, nếu tự tiện hành động sẽ bị trừng trị theo qui định của pháp luật về tội “tự tiện đánh giết con cái”.

Mặt khác, Chế độ Tông pháp nhà Chu cũng như quan niệm luân lí Nho giáo sau này rất đề cao trật tự lễ nghi trong gia đình, coi đó là cơ sở để duy trì trật tự xã hội. Cho nên, các nhà tư tưởng Nho giáo sau này khi đưa 5 mối quan hệ cơ bản của xã hội (Ngũ luân) thì đã có tới 3 quan hệ là những quan hệ trong gia đình, và khi nhấn mạnh “Tam cương” thì cũng có tới 2 mối quan hệ là quan hệ gia đình. Việc các nhà Nho đẩy các quan hệ gia đình trở thành quan hệ xã hội đã cho thấy sự coi trọng tôn ti trật tự trong gia đình. Và khi Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính trị pháp lí của nhà nước phong kiến Trung Quốc từ thời Hán trở đi, thì những quan hệ đó đã trở thành rường cột của nhà nước phong kiến, được nhà nước phong kiến bảo vệ nghiêm ngặt. Trên phương diện pháp luật, từ thời Hán Đường trở đi, trong hoạt động lập pháp đã lấy lễ làm căn cứ lập pháp. Ví như “Đường luật sớ nghị” đã nêu rõ việc lấy lễ làm tư tưởng chỉ đạo “đức lễ là gốc của chính giáo, hình phạt là phương tiện của chính giáo”, nghĩa là lễ là gốc, là giường mối, còn hình chẳng qua chỉ là để bổ trợ cho lễ mà thôi. Do đó, hạt nhân của lễ - tam cương ngũ thường đã trở thành căn cứ lập pháp của các triều đại phong kiến Trung Quốc sau Tần. Điều đó đã khiến cho pháp luật hướng Nho của các nhà nước phong kiến Trung Quốc, cũng đã thể chế hóa những quan hệ luân thường phong kiến này vào pháp luật, bảo vệ nó và trừng phạt nghiêm khắc những hành vi xâm hại đến những quan hệ đó. Trái lại, Tần luật lấy tư tưởng “Pháp trị” làm cơ sở, đề cao nguyên tắc “Hình vô đẳng cấp”, chủ trương đứng trước pháp luật, bất kì hạng người nào cũng bị định tội, chịu hình phạt như nhau, phản đối đặc quyền của quí tộc đối với pháp luật. Hàn Phi cũng chủ trương rất đúng đắn: “Pháp luật không xu phụ kẻ quyền quí” 法不阿贵- pháp bất a quí) và kiên trì “hình phạt xử kẻ có tội, không kiêng tránh đại thần, thưởng người có công không bỏ sót dân thường” (刑过不避大臣, 赏善不遗匹夫- hình quá bất tị đại thần, thưởng thiện bất di thất phu)[(11)]. Nguyên tắc này nhằm phế trừ truyền thống lễ trị của chế độ nô lệ, thủ tiêu đặc quyền của giai cấp quí tộc, kiến tập nên xã hội pháp trị phong kiến do giai cấp địa chủ mới nổi đề xướng. Đồng thời nó cũng chống lại nguyên tắc “thân thân”, “tôn tôn” và trật tự luân lí Nho gia. Điều đó lí giải vì sao Tần luật cho phép người vợ chủ động đi cáo giác tội của người chồng thì không bị tội, mà luật Đường và luật các triều đại phong kiến Trung Quốc sau này đều nghiêm cấm, chỉ trừ khi người chồng phạm phải một trọng tội trong “Thập ác” ra thì người vợ được phép tố cáo chồng, còn nếu người vợ tố cáo chồng (cho dù tố cáo đúng) lại phạm vào tội “Bất mục” trong “Thập ác”, và bị trừng phạt nghiêm khắc. Những điều này vừa phản ánh cuộc đấu tranh giữa “Pháp trị” với “Nhân trị”, “Lễ trị” vừa cho thấy quan niệm đạo đức luân lí Nho gia và tư tưởng lễ trị có ảnh

hưởng tương đối trong pháp luật triều Tần. Và nó cũng chính là cơ sở tạo nên những đặc sắc trong pháp luật triều Tần.

Mặc dù chưa thể khảo sát được toàn bộ nội dung Tần luật và còn nhiều vấn đề cần phải tìm hiểu làm rõ, nhưng một số nội dung trong bài viết này hy vọng góp phần làm rõ phần nào những đặc sắc của Tần luật. Những tiến bộ của Tần luật trong hệ thống pháp luật truyền thống Trung Hoa là những điều thật sự cần nghiên cứu.

CHÚ THÍCH:

(1) “睡虎地秦幕竹 简。法律 答 问” trích theo 赵昆坡，中国法制史，北京大学出版社，2002, trang 79

(2) 新 编中 国法制史教程， 中国政法大学出版社，1995，trang 78

(3) “睡虎地秦幕竹 简。法律 答 问” trích theo 赵昆坡，中国法制史，北京大学出版社，2002, trang 79

(4) Nại hình là hình phạt cắt râu của người thụ hình, nhẹ hơn khôn hình (cạo tóc) – Người Trung Quốc cổ cho rằng, râu tóc và con người cũng giống nhau, đều là của cha mẹ cho, nếu như chúng bị thương tổn hủy hoại, thì là một hành vi bất hiếu. Do đó, cắt đi râu tóc của một người chính là hành vi làm hại đến thân thể của người đó, và cũng là một kiểu sỉ nhục, thường được gọi là sỉ nhục hình. Thời Tần, Hán, Nại hình vẫn thường được sử dụng độc lập như một hình phạt chính, vừa được kết hợp với lao dịch như một hình phạt phụ

(5) “Thập ác” là 10 trọng tội theo qui định của pháp luật các triều đại phong kiến Trung Quốc, chính thức được đặt ra từ “Bắc Tề luật”, cho đến pháp luật triều Thanh vẫn bảo lưu những trọng tội này. Bao gồm: Mưu phản (Mưu nguy xã tắc); Mưu đại nghịch (Mưu hủy tông miếu, sơn lăng và cung khuyết); Mưu bạn (Mưu phản quốc theo giặc); Ác nghịch (đánh hoặc mưu sát ông bà nội, cha mẹ, bác, chú, thím, anh, chị, em, ông bà ngoại, ông bà, cha mẹ chồng); Bất đạo (giết một nhà 3 người không đáng tội chết, giết người chặt thây ra thành từng mảnh, bỏ thuốc độc bùa mê); Đại bất kính (ăn trộm đồ thờ trong lăng miếu, đồ ngự dụng, làm giả ấn tín nhà vua, chế ngự thuốc không đúng phương,…..); Bất hiếu (tố cáo, mắng rủa ông bà cha mẹ, trái lời cha mẹ dạy bảo, có tang cha mẹ mà lấy vợ lấy chồng, vui chơi ăn mặc như người thường…); Bất mục (giết hay đem bán những người trong họ hàng từ hàng phải để tang 3 tháng trở lên, đánh đập và tố cáo chồng cùng những người họ hàng phải để tang 5 tháng trở lên); Bất nghĩa (giết quan bản phủ và các quan đương chức tại nhiệm, giết thầy học….); Nội loạn (Gian dâm với người trong họ từ hàng tiểu công trở lên cùng nàng hầu của ông cha)

(6) “史记。秦始黄本纪”, trích theo 新编中国法制史 教程，中国政法大学出版社，1995, tr. 79

(7) Là một nước thời Chiến Quốc, nay thuộc Tứ Xuyên

(8) “封 诊式”, trích theo 新编中国 法制史 教程，中国政法大学出版社，1995, trang 80

(9) Đồ hình là một trong 5 hình phạt truyền thống (Ngũ hình) của pháp luật phong kiến Trung Quốc: xuy (đánh roi), trượng (đánh trượng), đồ (giam giữ), lưu (lưu đầy), tử (giết chết)

(10) Qui định về án tử hình của cổ luật Trung Quốc là: thi hành ngay gọi là “lập quyết” và tạm giam lại chờ “thu thẩm” (mùa thu hoàng đế xem xét lại các bản án tử hình) gọi là “giam hậu”

(11) Biến pháp của Thương Ưởng diễn ra 2 lần (năm 359 TCN và năm 350 TCN

(12) “Quản tử . Thất pháp”